



Bài báo nghiên cứu

VAI TRÒ CỦA HIỆP ĐỊNH ĐỐI TÁC XUYÊN THÁI BÌNH DƯƠNG (TPP) TRONG CHÍNH SÁCH ĐỐI NGOẠI CỦA TỔNG THỐNG BARACK OBAMA

Nguyễn Đăng Khoa

Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Tác giả liên hệ: Nguyễn Đăng Khoa – Email: khoand@hcmue.edu.vn

Ngày nhận bài: 28-3-2020; ngày nhận bài sửa: 18-6-2020; ngày duyệt đăng: 22-7-2020

TÓM TẮT

Việc chủ động tham gia vào Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP) là một bước ngoặt cho thấy tầm quan trọng của Hiệp định này đối với lợi ích quốc gia của nước Mỹ trong bối cảnh nước này đang chịu ảnh hưởng nặng nề từ cuộc khủng hoảng kinh tế năm 2008 cũng như sự cạnh tranh ảnh hưởng mạnh mẽ từ một Trung Quốc đang trỗi dậy ở châu Á – Thái Bình Dương. Dựa trên phương pháp lịch sử – logic và phương pháp phân tích quan hệ quốc tế, nghiên cứu này sẽ làm rõ vai trò của TPP trong chính sách đối ngoại của Tổng thống Barack Obama trên phương diện của kinh tế – thương mại, chính trị – an ninh và lý thuyết chuyển giao quyền lực trong quan hệ quốc tế. Từ đó khẳng định rằng TPP chính là một trong những công cụ quan trọng để Tổng thống Obama thực thi chính sách “xoay trục” với mục đích tăng cường sự ảnh hưởng trở lại của Mỹ ở khu vực này. Bài viết sẽ góp phần bổ sung cho các nghiên cứu về chính sách đối ngoại của Mỹ và quan hệ quốc tế khu vực châu Á – Thái Bình Dương dưới nhiệm kỳ của Tổng thống Barack Obama.

Từ khóa: Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương; TPP; chính sách đối ngoại của Mỹ; Barack Obama

1. Đặt vấn đề

Sau khoảng thời gian tương đối yên bình hậu Chiến tranh lạnh, thế giới bước sang thập niên đầu của thế kỉ XXI đã chứng kiến nhiều biến động lớn trên lĩnh vực an ninh lẫn kinh tế. Cuộc đại khủng hoảng tài chính năm 2008 có tác động không nhỏ ở cấp độ toàn cầu, buộc nhiều nước phải có các chính sách “thắt lưng buộc bụng” cũng như chính sách “bảo hộ thương mại” khẩn cấp. Những năm sau đó, tình hình có dần được cải thiện nhưng nền kinh tế toàn cầu vẫn phục hồi một cách khá chậm chạp, đặc biệt là kinh tế Mỹ.

Bên cạnh đó, sự trỗi dậy nhanh chóng của Trung Quốc về kinh tế lẫn quân sự cũng khiến tình hình địa – chính trị châu Á – Thái Bình Dương thay đổi. Sau chính sách trỗi dậy hòa bình thì từ năm 2009, Trung Quốc chuyển dần sang chính sách ngoại giao nước lớn cùng

Cite this article as: Nguyen Dang Khoa (2020). The significant roles of the Trans-Pacific Partnership Agreement (TPP) in the foreign policy of President Barack Obama. *Ho Chi Minh City University of Education Journal of Science*, 17(7), 1245-1258.

với chiến lược “Trung Hoa mộng” nhằm tạo lập thế ảnh hưởng ở khu vực. Đối mặt với một Trung Quốc đang cố giành lấy ảnh hưởng của mình, cộng thêm việc quốc gia đang chịu tác động nặng nề từ cuộc khủng hoảng kinh tế, Tổng thống Barack Obama sau khi lên cầm quyền đã đặt vấn đề châu Á – Thái Bình Dương lên ưu tiên cao nhất trong chính sách đối ngoại. Chính sách này sau đó được gọi bằng nhiều tên khác nhau: “Xoay trục” (Pivot Policy), “Tái cân bằng” (Rebalance Policy) hay “Trở lại châu Á” (Back-to-Asia Policy).

Mục tiêu chung của chính sách châu Á – Thái Bình Dương mới của Mĩ đã được thể hiện trong bài phát biểu “Thế kỉ Thái Bình Dương” của Ngoại trưởng Clinton: “Một trong các nhiệm vụ quan trọng nhất của nghệ thuật lãnh đạo Mĩ trong thập niên tới sẽ là tăng cường đáng kể đầu tư ngoại giao, kinh tế, chiến lược ở khu vực châu Á – Thái Bình Dương” (Clinton, 2011). Hay nói cách khác, Mĩ sẽ hướng đến việc tiếp tục duy trì vị thế lãnh đạo, ngăn chặn chủ nghĩa bá quyền khu vực, đồng thời đảm bảo lợi ích quốc gia trên các lĩnh vực ngoại giao, thương mại, quân sự cũng như duy trì một trật tự khu vực theo đúng ý chí của Mĩ. Trong số các chính sách được triển khai, lĩnh vực kinh tế - thương mại là một trong những công cụ hữu hiệu được Obama sử dụng thông qua việc tăng cường hợp tác và mở rộng các hiệp định thương mại tự do trong khu vực mà điển hình nhất là Hiệp định đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP).

2. Hiệp định đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP) và sự tham gia của Mĩ

2.1. Quá trình hình thành

Hiệp định đối tác xuyên Thái Bình Dương (hay Hiệp định đối tác kinh tế chiến lược xuyên Thái Bình Dương – TPP) có nguồn gốc từ Hiệp định hợp tác kinh tế chiến lược xuyên Thái Bình Dương (Trans Pacific Strategic Economic Partnership Agreement – còn gọi là P4) được đề xuất và kí kết giữa bốn nước: Singapore, Chile, New Zealand và Brunei vào ngày 03/6/2005 (có hiệu lực từ 28/5/2006) với mục đích tăng cường sự hợp tác kinh tế giữa các quốc gia thành viên. Khởi đầu của P4 xuất phát từ ý tưởng của nguyên thủ ba nước Chile, Singapore và New Zealand (P3) nhân dịp gặp mặt tại Hội nghị cấp cao APEC 2002 ở Mexico. Hai năm sau đó, Brunei xin gia nhập trước khi vòng đàm phán cuối cùng kết thúc (Hoang, 2014, p.3).

Mục tiêu ban đầu của Hiệp định là giảm 90% các loại thuế xuất nhập khẩu giữa các nước thành viên trước ngày 01/01/2006, tiến tới cắt giảm bằng 0 vào năm 2015. Đây là một thỏa thuận toàn diện bao quát tất cả các khía cạnh chính của một hiệp định thương mại tự do, bao gồm trao đổi hàng hóa, các quy định về xuất xứ, can thiệp, rào cản kĩ thuật, trao đổi dịch vụ, vấn đề sở hữu trí tuệ, chính sách của các chính quyền... (Office of the United States Trade Representative, 2016)

Sau khi cân nhắc về những lợi ích mà Hiệp định này có thể đem lại, văn phòng đại diện thương mại Mĩ thông báo quyết định tham gia P4 mở rộng. Các nước khác cũng ngó ý được tham gia vào quá trình đàm phán nhằm xây dựng hiệp định mới như Úc, Peru, Malaysia, Việt Nam (năm 2009, tạo thành TPP-9); cuối cùng là Canada, Mexico và Nhật Bản (năm

2012-2013, tạo thành TPP-12). Đến tháng 4/2014, bàn đàm phán cho TPP đã có tổng cộng 12 quốc gia tham dự (Hoang, 2014, p.4).

Từ 2011 đến 2015, diễn ra quá trình đàm phán giữa các nước thành viên. Đây được xem là giai đoạn căng thẳng nhất trong việc hình thành TPP, bởi lẽ các nước phải cân nhắc giữa lợi ích và việc hi sinh quyền lợi trong các lĩnh vực sản xuất thế mạnh để cạnh tranh công bằng cũng như mở cửa thị trường tự do. Trải qua nhiều lần đàm phán, ngày 05/10/2015 tại thành phố Atlanta (Mĩ), Bộ trưởng của 12 nước thành viên chính thức tuyên bố kết thúc đàm phán và đạt được thỏa thuận cuối cùng cho Hiệp định đối tác xuyên Thái Bình Dương, qua đó tạo ra kì vọng lớn sẽ trở thành một khuôn khổ thương mại toàn diện, chất lượng cao và có những quy chuẩn chặt chẽ nhất từ trước đến nay (thậm chí còn nghiêm ngặt hơn quy định của WTO) bao hàm nhiều lĩnh vực mới như môi trường, lao động, chuỗi cung ứng... (Nguyen, 2015, p.52)

Việc kí kết TPP có ý nghĩa rất lớn đối với kinh tế khu vực và thế giới vào thời điểm đó. Kinh tế của 12 nước thành viên chiếm 38% tổng sản lượng GDP và 26,5% kim ngạch thương mại của toàn thế giới (Nguyen, 2018). TPP sẽ trở thành một hiệp định thương mại tự do đa phương có quy mô lớn nhất từ trước đến nay.

2.2. Sự tham gia của Mĩ

Thật ra không phải đợi đến khi Barack Obama lên nhậm chức thì Washington mới để ý đến TPP. Trước đó, chính quyền của người tiền nhiệm là Tổng thống George W. Bush vào tháng 9 năm 2008 đã thông báo về khả năng Mĩ tham gia Hiệp định P4. Trong tuyên bố của Đại diện Thương mại Mĩ (United States Trade Representative – USTR), bà Susan Schwab cho biết: “Thỏa thuận khu vực tiêu chuẩn cao này sẽ củng cố sự cạnh tranh và cũng nhằm để tăng cường, điều phối đầu tư – thương mại của các quốc gia thành viên, đẩy mạnh tốc độ phát triển kinh tế” (Schwab, 2008).

Đại diện P4 ngay lập tức hoan nghênh quyết định này của Mĩ. Sự tham dự của nền kinh tế lớn nhất thế giới vào quá trình đàm phán bản hiệp định thương mại có xuất phát điểm nhỏ bé so với quy mô thế giới đã thu hút sự chú ý của các quốc gia trong khu vực. Tháng 12 năm 2009, tân Tổng thống Barack Obama chính thức đề cập TPP trong lần dừng chân tại Tokyo để chuẩn bị tham dự Hội nghị APEC ở Singapore:

Mĩ sẽ tham gia cùng với các nước đối tác xuyên Thái Bình Dương (Trans-Pacific Partnership countries) với mục tiêu thúc đẩy một thỏa thuận khu vực bao gồm cơ chế thành viên rộng mở và một thỏa thuận thương mại tiêu chuẩn cao xứng tầm thế kỉ XXI (Elms, 2012, p.7).

Vòng đàm phán đầu tiên của Hiệp định TPP được diễn ra vào tháng 3 năm 2010 tại Melbourne với sự tham gia của 7 nước: Úc, Brunei, Chile, New Zealand, Peru, Singapore và Mĩ. Có thể thấy, sự tham gia chính thức của Mĩ vào việc xây dựng một hiệp định thương mại tự do ở khu vực châu Á – Thái Bình Dương là một cột mốc quan trọng, báo hiệu sự thay đổi phần nào chiến lược toàn cầu của nước này dưới nhiệm kì của một nhà lãnh đạo mới trong

bối cảnh cuộc khủng hoảng kinh tế đã khiến cả thế giới chao đảo cũng như sự “trỗi dậy” của một Trung Quốc ở Đông Á.

3. Tác động của TPP đối với chính sách đối ngoại Mỹ dưới thời Tổng thống Barack Obama

3.1. Về mặt kinh tế – thương mại

Thế giới và nước Mỹ trước khi bước vào thập kỉ thứ 2, hay cụ thể hơn là khi Tổng thống Obama lên nhậm chức đã phải đối mặt với vô vàn vấn đề, nhất là ở lĩnh vực kinh tế:

- (1) Tăng trưởng kinh tế toàn cầu chỉ đạt dưới 4%, riêng kinh tế Mỹ chỉ khoảng 2% (Nguyen, 2015, p.32). Tình trạng nợ công tăng nhanh, đe dọa đến sự ổn định của hệ thống tài chính các quốc gia. Nhiệm kì của cựu Tổng thống George W. Bush kết thúc bằng tỉ lệ thất nghiệp lên đến 7%, (tương ứng với 11,1 triệu người Mỹ không có việc làm) và đạt đỉnh vào cuối năm 2009 với 10,2% (tương đương 16,2 triệu người) (Statistic, 2008).
- (2) Khủng hoảng trong lòng các quốc gia dẫn đến quá trình ngoại thương đạt mức thấp. Các nước tăng cường bảo hộ thương mại nhằm cứu lấy các công ti trong nước. Bên cạnh đó, quá trình tìm kiếm nguồn thị trường phục vụ xuất khẩu cũng được đẩy mạnh để bù đắp từ những quốc gia đang chìm trong khủng hoảng. Điều này dẫn đến xu thế gia tăng số lượng các hiệp định thương mại tự do (FTA) kể từ sau năm 2008.
- (3) Vòng đàm phán Doha¹ trong khuôn khổ WTO tiếp tục đi đến bế tắc một phần vì tác động của cuộc khủng hoảng kinh tế, nhưng mặt khác lại đến từ sự xung đột về lợi ích giữa các nền kinh tế lớn. Sự kéo dài của vòng đàm phán Doha vô tình đã góp phần thúc đẩy xu hướng liên kết thương mại song phương và khu vực, từ đó tạo điều kiện để các hiệp định thương mại tự do ra đời cũng như mở rộng các hiệp định cũ (như trường hợp của TPP).
- (4) Trật tự kinh tế quốc tế có nhiều biến động. Trong khi kinh tế Mỹ, Nhật Bản và EU có dấu hiệu phát triển chững lại thì kinh tế Trung Quốc tại vẫn tiếp tục đà tăng trưởng ấn tượng. Kim ngạch thương mại trung bình cho thập niên đầu thế kỉ XXI của Trung Quốc là khoảng 3.500 tỉ USD. Nguyên nhân đến từ việc các tập đoàn, công ti nước ngoài tăng cường đặt nhà máy tại Trung Quốc để tận dụng nguồn nhân công giá rẻ nhằm giảm chi phí sản xuất, tối đa hóa lợi nhuận. Tốc độ phát triển nhanh chóng của kinh tế Trung Quốc và sự năng nổ của nước này trong các diễn đàn quốc tế cũng như những dự báo về sự vượt mặt kinh tế Mỹ trong vài thập niên tới là một phần tác nhân khiến Washington phải dè chừng (Nguyen, 2015, p.36-42).

Trong tình hình khó khăn bủa vây nước Mỹ, thì chiến lược “trở lại châu Á” càng có giá trị quan trọng để Washington có những bước đi đối trọng lại với sự mở rộng ảnh hưởng của Bắc Kinh. Nhà Trắng sẵn sàng tận dụng mọi cơ hội để làm suy yếu đối thủ cạnh tranh về kinh tế lẫn sức ảnh hưởng. Một hiệp định thương mại tự do kết nối các nước đồng minh và

¹ Vòng đàm phán Doha được bắt đầu tại Hội nghị Bộ trưởng WTO lần thứ tư tổ chức tại Doha (Qatar) vào tháng 11 năm 2001. Mục tiêu ban đầu mà vòng đàm phán Doha đặt ra là kết thúc vào năm 2005. Theo tuyên bố của các bộ trưởng, vòng đàm phán Doha có nhiệm vụ đề cập các lĩnh vực như: hàng phi nông nghiệp, nông nghiệp, dịch vụ, sở hữu trí tuệ, thuận lợi hóa thương mại, môi trường... Tuy nhiên, đến hiện tại, vòng đàm phán Doha vẫn chưa có tiến triển nào cụ thể. (WTO, 2010)

các nước đối tác quan trọng mà không có sự tham dự của Trung Quốc sẽ là lựa chọn phù hợp hơn cả. Do đó, TPP được Tổng thống Obama xem là công cụ quan trọng trong chiến lược châu Á – Thái Bình Dương hiện nay không chỉ về mặt kinh tế mà còn ở phương diện chính trị và an ninh.

Cuộc khủng hoảng kinh tế tài chính toàn cầu năm 2008 đã gây ra những tổn thất nặng nề cho nước Mỹ: tỉ lệ thất nghiệp, lạm phát, thâm hụt ngân sách, nợ công... Để phục hồi nhanh chóng chỉ có cách đẩy mạnh việc tiếp cận thị trường tiêu thụ hàng hóa – dịch vụ dựa vào ngoại thương, mà để hàng hóa – dịch vụ Mỹ đến được với các thị trường còn khả năng tiêu thụ (tức các nước đang phát triển và đông dân ở châu Á – Thái Bình Dương) thì cần phải loại bỏ hàng rào thuế quan, giúp hàng hóa Mỹ đi vào các nước này và xây dựng các tiêu chuẩn phi thuế quan để hàng hóa các nước hạn chế vào thị trường Mỹ, giảm sự cạnh tranh của nền sản xuất nội địa.

Việc đưa các vấn đề này vào bàn đàm phán TPP chắc chắn sẽ là cách để Mỹ phục hồi nền kinh tế hoặc duy trì tốc độ phát triển ở mức ổn định trong tương lai. Theo ước tính, kinh tế nước này sẽ tăng khoảng 39 tỉ USD, thêm 0,2% tốc độ tăng GDP và giá trị xuất khẩu tăng 20 tỉ USD vào năm 2025 (Nguyen, 2015) (Xem Bảng 1).

Bảng 1. Đóng góp của TPP vào sự tăng trưởng của các nước thành viên

Quốc gia	Dân số (triệu người)	GDP dự kiến 2025 (tỉ USD)	% tăng GDP	Mức tăng giá trị kim ngạch xuất khẩu (triệu USD)	Mức tăng số lượng việc làm
Úc	22,8	1.426	0,4	248,0	2.047
Brunei	0,4	22	0,9	6,0	30
Canada	17,4	1.982	0,4	572,99	4.525
Chile	34,8	289	1,5	19,7	318
Nhật Bản	127,6	5332	1,0	3125,9	16.744
Malaysia	29,5	422	2,7	865,8	10.505
Mexico	114,9	1.999	0,6	1.282,2	29.358
New Zealand	4,4	206	1,0	88,0	958
Peru	30,5	311	2,5	18,3	231
Singapore	5,4	386	0,6	34,7	73
Mỹ	314,2	20.337	0,2	8.963,2	38.811
Việt Nam	90,4	235	15,5	160,8	3.451
Tất cả các nước	792,2	35.010	0,6	15.385,5	107.051

Nguồn: (Nguyen, 2015, p.95-97)

Mỹ sẽ được hưởng lợi không hề nhỏ về mặt kinh tế khi Hiệp định TPP có hiệu lực. Nó sẽ là “cánh cổng” để hàng hóa của Mỹ xâm nhập vào thị trường của 12 quốc gia với tổng dân số là gần 800 triệu người. Trên hết, đây là khu vực hiện được đánh giá là năng động nhất với hơn 60% tổng lượng GDP toàn cầu và 56% tổng lượng thương mại thế giới. Cần phải nói

thêm rằng quá trình chuyển dịch trọng tâm thương mại của Mỹ đã bắt đầu từ thập niên 1980 khi kim ngạch thương mại xuyên Thái Bình Dương vượt giá trị xuyên Đại Tây Dương. Khi vòng đàm phán Doha đang rơi vào bế tắc cộng thêm tiến trình xây dựng Khu vực thương mại tự do châu Á – Thái Bình Dương của APEC (FTAAP) đang bị đình trệ thì TPP nổi lên như sở hữu tầm quan trọng cực lớn đối với điều chỉnh chính sách kinh tế của Mỹ trong dài hạn.

Ngoài ra, việc Mỹ tham gia vào tiến trình đàm phán TPP có thể xem như là động lực làm biến chuyển hiệp định P4 vốn dĩ chỉ là một hiệp định nhỏ có giá trị không cao. Giá trị của nền kinh tế Mỹ lớn gấp 25 lần tổng số GDP của các quốc gia P4. Bản thân nước này cũng đã chiếm đến gần 65% tổng GDP của cả 12 thành viên TPP trong khi quốc đứng thứ hai là Nhật Bản cũng chỉ chiếm 16% (Cook, 2017, p.5) (Xem Bảng 2).

Bảng 2. Giá trị và tỉ lệ GDP của các nước thành viên trong TPP

Quốc gia	GDP (tỉ USD)	% GDP trong TPP
Úc	1.339	4,8
Brunei	13	0,05
Canada	1.551	5,6
Chile	241	0,9
Nhật Bản	4.383	15,8
Malaysia	296	1,1
Mexico	1.144	4,1
New Zealand	174	0,6
Peru	189	0,7
Singapore	293	1,1
Mỹ	18.037	64,8
Việt Nam	194	0,7
Tất cả các nước	27.854	100

Nguồn: (Cook, 2017, p.5)

Với sức mạnh kinh tế như trên, Mỹ hoàn toàn có thể chi phối các cuộc đàm phán TPP theo hướng có lợi cho chính mình, chẳng hạn như các vấn đề về: lao động, hàng điện tử, sở hữu trí tuệ, dịch vụ xuyên biên giới, doanh nghiệp nhà nước... Thậm chí các cuộc tranh luận trên bàn đàm phán TPP từ 2008 đến khi được kí kết vào 2016 chủ yếu là giữa Mỹ và các nước thành viên khác. Đơn cử là trường hợp tranh chấp về quy định xuất xứ của hàng dệt may giữa Mỹ và Việt Nam. Việt Nam đã buộc phải nhượng bộ và đồng ý sử dụng nguồn nguyên liệu vải cotton cho các sản phẩm quần xuất khẩu sang Mỹ. Đối với trường hợp của Nhật Bản là liên quan đến ngành chế tạo ô tô và phụ tùng ô tô. Trường hợp của Úc là những bất đồng với Mỹ về bảo hộ bằng sáng chế dược phẩm sinh học...

Lợi ích của TPP đối với Mỹ về mặt kinh tế là không thể phủ nhận. Có thể nói, trước khi quá trình đàm phán được chuyển giao cho Tổng thống Obama thì cựu Tổng thống Bush vào những tháng cuối cùng của nhiệm kì cũng đã xác định mục tiêu hàng đầu của Mỹ khi

quyết định gia nhập TPP tại thời điểm đó là vì những lợi ích kinh tế. Bà Susan Schwab tiếp tục nhấn mạnh mục đích của các thành viên TPP như sau:

Chúng ta cần đảm bảo rằng thương mại sẽ tiếp tục được mở rộng để nó có thể đóng góp vào sự tăng trưởng của kinh tế Mỹ trong tương lai. Thất chặt kinh tế với bên kia bờ Thái Bình Dương là điều cần thiết để đạt được mục tiêu này bởi vì tầm quan trọng kinh tế của khu vực đó tại thời điểm này và trong tương lai. Hai bờ Thái Bình Dương đóng góp gần 60% GDP của thế giới và hơn một nửa giá trị thương mại toàn cầu. Với những thị trường ngày càng mở rộng và sự phát triển kinh tế nhanh chóng, việc chúng ta kết nối chặt chẽ với khu vực này phải được đặt lên hàng đầu (Schwab, 2008).

3.2. Về mặt chính trị – an ninh

Mặc dù ý định ban đầu của Mỹ khi tham gia TPP là vì lợi ích kinh tế, nhưng đến thời của Tổng thống Obama, thứ tự ưu tiên về lợi ích này có sự thay đổi. Cùng với chính sách “xoay trục”, TPP bỗng dưng trở thành một công cụ hữu hiệu để Mỹ có thể tăng cường sự hiện diện ở châu Á – Thái Bình Dương.

Chính quyền Obama ban đầu muốn thay đổi cách tiếp cận địa chính trị của Mỹ trên toàn cầu nhằm thoát li khỏi hai cuộc chiến đầy tốn kém ở Trung Đông trong bối cảnh khủng hoảng kinh tế dần trở nên nghiêm trọng. Điều này tạo ra quá trình được gọi là “xoay trục” (pivot) hay “tái cân bằng” (rebalance) từ Trung Đông sang châu Á với trọng tâm chính là ở châu Á – Thái Bình Dương. Một trong những văn bản mô tả toàn diện quá trình này là bài viết của Ngoại trưởng Mỹ, Hillary Clinton, với nhan đề: “Thế kỷ Thái Bình Dương của nước Mỹ: Tương lai của địa – chính trị sẽ được quyết định ở châu Á, không phải ở Afghanistan hay Iraq, và Mỹ phải là trung tâm của tiến trình này” (Clinton, 2011)

Từ năm 2010 đến đầu năm 2013, trang CNN cho biết bà Hillary đã có tổng cộng 45 lần đề cập TPP trong các bài phát biểu của mình. Đơn cử là bài phát biểu trong chuyến công du ở Adelaide (Úc) vào tháng 11 năm 2012: “TPP sẽ thiết lập quy chuẩn trong các hiệp định thương mại nhằm tiến tới sự tự do, minh bạch, thương mại công bằng, các nguyên tắc về môi trường và một sân chơi tầm cỡ” (Tapper, 2015).

Từ nhiệm kỳ thứ hai, năm 2015, Tổng thống Obama và tân Ngoại trưởng John Kerry liên tục đẩy mạnh chính sách về TPP trong các bài phát biểu trước công chúng. Chính quyền Tổng thống bắt đầu hỏi thúc Quốc hội cấp quyền đàm phán thương mại và tiếp theo là phê duyệt TPP sau khi nó được kí kết vào tháng 02/2016. Trước đó, Tổng thống cũng đã nhiều lần đặt trọng tâm vào vai trò địa chính trị của TPP để thuyết phục Quốc hội nước này thông qua TPP trong trường hợp tiến trình kí kết được diễn ra. Dĩ nhiên là ông Obama đã thành công bước đầu khi có được quyền đàm phán thương mại trong tháng 6/2015.

Ngay sau đó, Bộ trưởng Quốc phòng đương nhiệm, Ashton Carter, đã thể hiện sự đồng tình với những người tiền nhiệm để kêu gọi ủng hộ việc thông qua TPP vì lợi ích của nước Mỹ. Trong một lần trình bày ở Hội đồng Đối ngoại, ông Carter đã bày tỏ như sau:

TPP nên được phê chuẩn bởi vì những lợi ích kinh tế, chiến lược nó đem lại, và cũng bởi vì chúng ta phải công nhận rằng TPP là một khu vực kinh tế lớn nhất thế giới với những tiêu

chuẩn không chỉ phục vụ cho lợi ích của nước Mỹ. Đó là lí do tại sao tôi cho rằng TPP có tầm quan trọng chiến lược cho chính sách tái cân bằng của chúng ta. Tôi thật lòng kiến nghị Quốc hội hãy thông qua TPP trong năm nay” (Carter, 2016).

Sở dĩ TPP được coi là quan trọng với chính sách đối ngoại của Mỹ là vì Trung Quốc. Sự cạnh tranh Mỹ – Trung về vai trò lãnh đạo ở châu Á – Thái Bình Dương càng được nhấn mạnh khi nhắc đến các chính sách về TPP. Trong một bài phỏng vấn quan điểm trên tờ Washington Post vào tháng 5/2016, Tổng thống Obama đã so sánh giữa TPP với một hiệp định thương mại khu vực khác mang tên “Hiệp định Đối tác Kinh tế Toàn diện Khu vực” (Regional Comprehensive Economic Partnership – RCEP). Hiệp định này không có sự tham gia của Mỹ nhưng lại có sự xuất hiện của Trung Quốc với vai trò là quốc gia chiếm hơn 50% tổng GDP của 16 nước thành viên. Ở cuối bài phỏng vấn, Tổng thống đã đưa ra quan điểm như sau:

Thế giới đã thay đổi cùng với các luật lệ. Nước Mỹ, không phải những quốc gia như Trung Quốc, phải là người viết nên các luật lệ đó. Hãy tận dụng cơ hội này và thông qua Hiệp định xuyên Thái Bình Dương để đảm bảo rằng nước Mỹ không nắm giữ cái túi mà đang nắm giữ cây viết (Obama, 2016).

Ngoại trưởng Kerry cũng đưa ra cảnh báo trong trường hợp Mỹ không phê chuẩn TPP tại Trung tâm Wilson ở Thủ đô Washington vào tháng 9/2016 như sau:

Nếu chúng ta rút khỏi Hiệp định này thì mỗi chính phủ trong khu vực, mỗi doanh nghiệp, mỗi lao động, mỗi nhóm vận động vì môi trường và mỗi tướng lĩnh quân đội sẽ để tâm đến việc này. Họ để tâm đến nó bằng một cách sẽ không tích cực cho nước Mỹ. Nó sẽ ảnh hưởng đến sức mạnh và sự ảnh hưởng chính trị của Mỹ về lâu về dài.

Và tôi có một thông tin cho các vị. Họ sẽ không tự hỏi chính mình rằng: Này, nếu chúng ta không thể dựa vào nước Mỹ thì chúng ta nên dựa vào ai nhỉ? Nếu những quy định và luật lệ của TPP không ảnh hưởng gì đến Mỹ, tại sao chúng ta phải chấp nhận nó? Nếu Mỹ không tham gia đối tác với chúng ta về mặt kinh tế, tại sao chúng ta phải trông đợi vào Washington về những vấn đề an ninh và chính trị nhỉ? (Kerry, 2016).

Bên cạnh đó, quyết định tham gia TPP của Mỹ cũng nâng tầm địa chính trị của Hiệp định này và khiến cho nhiều nước khác quyết định theo chân Mỹ vì toan tính của riêng từng quốc gia. Đối với Úc, Singapore, Nhật Bản và Việt Nam, tiềm năng địa chính trị của TPP sẽ giúp các nước này củng cố quan hệ với Mỹ. Đặc biệt là trường hợp của Việt Nam và Nhật Bản khi hai quốc gia đang có những căng thẳng về ngoại giao với Trung Quốc xung quanh việc tranh chấp ở Biển Đông và biển Hoa Đông (quần đảo Takeshima), việc tận dụng TPP để nhích lại gần với Washington nhằm tìm kiếm sự ủng hộ là một cơ hội tốt. Thủ tướng Shinzo Abe trong bài phát biểu ngày 21/9/2016 tại New York đã gửi một thông điệp đến Mỹ như sau:

Đây là lời đề nghị của tôi. Hãy phê chuẩn TPP. châu Á – Thái Bình Dương rất, rất mong mỏi Mỹ trở thành một thành viên TPP. Chúng tôi đơn giản là đang chờ đợi các ngài để nắm giữ vai trò lãnh đạo. “Chung bước nào, nước Mỹ” nên là thông điệp của tôi dành cho các ngài. (Abe, 2016)

Sự trỗi dậy của Trung Quốc về kinh tế lẫn quân sự đã làm đảo lộn trật tự địa chính trị khu vực Thái Bình Dương. Không chỉ chi phối về mặt kinh tế, Bắc Kinh còn tăng cường các hoạt động phô trương quyền lực bằng việc tăng cường tiềm lực quân sự, đưa ra yêu sách chủ quyền lãnh thổ và có những hành vi đe dọa các nước láng giềng, trong số đó có các nước là đồng minh của Mỹ hoặc là đối tác thân thiết của Mỹ. Chính sách “xoay trục” của Tổng thống Obama phần nào để trấn an các đồng minh và các nước trong khu vực rằng Mỹ không bỏ rơi họ. Do đó, TPP xuất hiện có vai trò quan trọng trong việc duy trì an ninh khu vực cũng như vị thế lãnh đạo của Mỹ. Nó còn là cách để Mỹ một mặt nhích lại gần các nước đồng minh truyền thống như Úc, Nhật Bản mặt khác tạo cơ hội tiếp cận các quốc gia đối tác tiềm năng như Việt Nam, Malaysia, Brunei. Điều đặc biệt là những nước này lại tiếp giáp với biển Đông, điểm nóng mà Trung Quốc đang có yêu sách đòi hỏi chủ quyền. Sự trông đợi của các quốc gia kể trên về TPP sẽ gia tăng sự phụ thuộc vào Mỹ, từ đó tạo điều kiện thuận lợi để Mỹ có được sự ủng hộ hòng duy trì ổn định và một trật tự “thân Mỹ”.

Một số các học giả Trung Quốc cũng đồng ý với quan điểm cho rằng việc Mỹ tham gia TPP nằm trong quá trình triển khai chính sách “xoay trục” để kiềm chế Trung Quốc. Dẫn theo bài nghiên cứu của Dương Minh Tuấn (Duong, 2014, p.26-27), chúng ta có các lập luận sau:

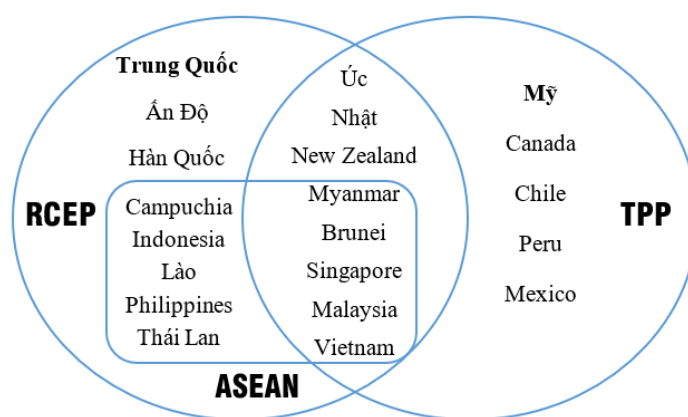
- (1) TPP là một bộ phận quan trọng của Chiến lược “Trở lại châu Á” với những động lực kinh tế và địa chính trị nhất định, trong đó động lực quan trọng nhất là hạn chế sự trỗi dậy của Trung Quốc – Li Xiangyang, Giám đốc Viện nghiên cứu châu Á – Thái Bình Dương, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Trung Quốc.
- (2) Khi Hiệp định TPP có hiệu lực, nó sẽ làm suy giảm nghiêm trọng hiệu lực của khuôn khổ APEC và việc Trung Quốc đứng ngoài TPP sẽ làm giảm quá trình hội nhập khu vực – Nhà nghiên cứu Li Xiangyang.
- (3) Mỹ sẽ làm “giảm bớt” hoặc “làm mờ nhạt” thay vì “cản trở” ảnh hưởng của Trung Quốc tại châu Á – Thái Bình Dương, tức là thực hiện một sự “đổi đầu mềm” đối với Trung Quốc – Yang Jiemian, Viện trưởng Viện Nghiên cứu quốc tế Thượng Hải.
- (4) Mỹ không muốn bị đẩy ra ngoài khu vực châu Á – Thái Bình Dương bởi Trung Quốc. TPP là một hiệp định về kinh tế nhưng lại bao hàm cả mục đích chính trị là hạn chế sự trỗi dậy của Trung Quốc – Ding Gang, nhà báo chuyên trách các vấn đề quốc tế của tờ Nhân dân nhật báo.
- (5) Các thành viên hiện tại tham gia vào đàm phán TPP chủ yếu là các đồng minh quân sự của Mỹ, điều này cũng minh chứng một thực tế là Mỹ đã theo đuổi mô thức truyền thống của mình, ưu tiên lựa chọn các đối tác thương mại tự do là các đồng minh quân sự - Phó giáo sư Song Guoyou, Học viện Quan hệ quốc tế, Đại học Fudan Thượng Hải.

3.1. Sự cạnh tranh chiến lược giữa TPP và RCEP

Một vai trò khác của TPP đối với chính sách của Mỹ ở châu Á – Thái Bình Dương là nhằm duy trì trật tự khu vực, ngăn cản quá trình chuyển giao quyền lực từ sự trỗi dậy của Trung Quốc trong tương lai. Trong bài viết “Biển Đông và chính sách của Trung Quốc dưới

góc nhìn quan hệ quốc tế” của Nguyễn Đăng Khoa cũng đã trình bày về Thuyết chuyển giao quyền lực của nhà nghiên cứu A.F.K. Organski (Nguyen, 2017, p.168-176).

Ở đây, tiếp tục dựa vào Thuyết chuyển giao quyền lực trong quan hệ quốc tế, chúng ta có thể xem xét cụ thể hơn ở trường hợp Hiệp định TPP. Trong khi Washington cố gắng thiết lập tầm ảnh hưởng thông qua Hiệp định TPP thì ở bên bờ Thái Bình Dương, Trung Quốc cũng đã từng bước đặt lên bàn đàm phán một hiệp định thương mại tự do khác mang tên: Hiệp định Đối tác Kinh tế Toàn diện Khu vực (Regional Comprehensive Economic Partnership – RCEP) (xem Hình 1).



Hình 1. Các thành viên TPP và RCEP

Hiệp định RCEP được ASEAN đề xuất lần đầu tiên vào cuối năm 2011 tại Hội nghị cấp cao ASEAN ở Bali, Indonesia và được các quốc gia trong khu vực hưởng ứng (ASEAN+6). Đây là mô hình mở rộng từ ý tưởng Hiệp định thương mại tự do (FTA) giữa ASEAN và từng nước đối tác (ASEAN+1). Quá trình đàm phán kéo dài từ tháng 12/2012 đến 2019 vẫn chưa đi đến thống nhất để ký kết. RCEP bao gồm 16 nước thành viên gồm 10 nước ASEAN cộng thêm Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản, Ấn Độ, Úc và New Zealand. Đây cũng là một hiệp định mở tương tự TPP, cho phép các quốc gia khác có thể tham gia miễn tuân thủ quy định của hiệp định. Các quốc gia trong RCEP có dân số hơn 3 tỉ người và GDP khoảng 17 nghìn tỉ USD, chiếm gần 40% tổng thương mại của thế giới. (Nguyen, 2015, p.150-151)

Quá trình đàm phán RCEP bắt đầu chỉ 3 năm sau khi Mỹ đồng ý tham gia TPP. Cần lưu ý rằng vào thời điểm Mỹ bắt đầu đẩy mạnh TPP từ đầu năm 2013 thì Trung Quốc cũng đã từng cân nhắc việc tham gia dù rất e dè. Ngày 30/5/2013, người phát ngôn Bộ Thương mại Trung Quốc cho biết Bắc Kinh sẽ: “phân tích thuận lợi, bất lợi và khả năng tham gia TPP, căn cứ vào sự nghiên cứu thận trọng, theo những nguyên tắc bình đẳng và các bên cùng có lợi” (Nguyen, 2015, p.141). Khi xem xét quá trình đàm phán cũng như việc né tránh sự ràng buộc trong thương mại với Mỹ mà dường như Bắc Kinh hiểu rằng Washington muốn đưa nước này vào “quỹ đạo” của họ, Trung Quốc đã từ chối. Kể từ thời điểm đó, Trung Quốc liên tục đẩy mạnh quá trình đàm phán của RCEP như một tín hiệu cho thấy quyết tâm biến

RCEP thành đối trọng của TPP. Điều này cũng lí giải tại sao kể từ năm 2015, khi RCEP có khả năng “về đích” trước TPP thì Tổng thống Obama lại tỏ ra sốt ruột và bắt đầu đẩy mạnh cho TPP.

Đứng ở góc độ ngược lại, cũng có thể hiểu tại sao Trung Quốc lại dè chừng việc tham gia TPP đến như vậy. TPP nhìn chung là một hiệp định lớn do Mỹ đặt ra với mục đích phục vụ cho chiến lược “xoay trục” nên các điều khoản sẽ mang nhiều yêu cầu khắt khe về chất lượng, quy mô, điều kiện lao động, môi trường... Việc tuân thủ các quy định nêu trên sẽ làm Trung Quốc phải nâng cao chất lượng, tăng chi phí sản xuất, nâng giá bán sản phẩm. Từ đó sẽ làm mất đi tính cạnh tranh về giá của các mặt hàng “sản-xuất-tại-Trung-Quốc” (made-in-China), ảnh hưởng không nhỏ đến chiến lược “trỗi dậy”. Vì thế, việc khước từ TPP là điều hợp lí với Trung Quốc nhưng cũng nằm trong sự tính toán do Mỹ vạch ra cho cả hai nước cờ của Bắc Kinh: (1) tham gia để bị ràng buộc vào các điều khoản hoặc (2) rút lui để nhường sân chơi lại cho Washington. Trước tình thế lưỡng nan đó, Trung Quốc buộc lòng phải bám lấy RCEP như là một cách để giải quyết vấn đề trước sức ép từ TPP để không nằm ngoài bàn cờ địa chính trị khu vực.

Cả TPP và RCEP đều có cùng mục tiêu là tự do hóa thương mại, liên kết kinh tế và các tiêu chuẩn trong sản xuất – thương mại. Điểm khác biệt giữa hai hiệp định này chính là việc thành viên TPP là các nước hai bờ Thái Bình Dương, có sự tham gia của Mỹ mà không có Trung Quốc còn thành viên RCEP là toàn bộ ASEAN, các nước ở Đông và Nam Á, có sự tham gia của Mỹ nhưng không có Trung Quốc. Về nội dung, TPP đưa ra các tiêu chuẩn chất lượng, môi trường, quy trình sản xuất, sở hữu trí tuệ, thuế quan và quyền của người lao động cao hơn, đi theo hướng chiều sâu; còn RCEP thì tiêu chuẩn thấp hơn, tập trung vào việc dỡ bỏ các rào cản thương mại, đi theo hướng chiều ngang. Vì thế RCEP có tính phổ quát hơn TPP do phù hợp với hoàn cảnh của nhiều quốc gia đang phát triển. Nhìn chung, sự giao thoa giữa hai hiệp định cũng diễn ra chủ yếu ở ven bờ Tây của Thái Bình Dương nhưng nó lại phản ánh sự cạnh tranh địa chính trị giữa Mỹ và Trung Quốc. Từ đó có thể nhận thấy TPP là công cụ để Mỹ thực hiện chính sách “xoay trục” còn RCEP là công cụ để Trung Quốc đối trọng lại để thực hiện “Sáng kiến Vành đai – Con đường” (BRI)². Một bên là muốn nâng tầm ảnh hưởng và quyền lực để thách thức “quốc gia thống lĩnh”, một bên thì muốn kiềm chế ảnh hưởng của bên kia nhằm duy trì vị thế “siêu cường” của mình.

3. Kết luận

Chính sách “xoay trục” của Tổng thống Obama là cách thức điều chỉnh của Mỹ trước tình hình trong nước và bối cảnh quốc tế nhằm gia tăng sự hiện diện của Mỹ tại châu Á – Thái Bình Dương. Trong số các cách thức tiếp cận chính sách của Mỹ, TPP đã nổi lên như là

² Được bắt đầu vào năm 2013 với tên gọi “Một vành đai, một con đường”, chính sách này liên quan đến việc Trung Quốc bảo lãnh hàng tỉ USD để đầu tư cho cơ sở hạ tầng ở các quốc gia dọc theo “Con đường tơ lụa” cổ nổi liên quốc gia này với châu Âu. Tham vọng này là vô cùng lớn. Trung Quốc đang chi khoảng 150 tỉ USD mỗi năm ở 68 quốc gia đã tham gia chương trình này. (J. P., 2017)

một công cụ để có thể kết nối các quốc gia trong khu vực cũng như giải quyết các vấn đề kinh tế.

Tổng thống Obama đã nhận thức được tầm quan trọng của TPP không chỉ ở lĩnh vực kinh tế mà còn ở việc triển khai chiến lược châu Á – Thái Bình Dương của Mỹ. TPP đã trở thành công cụ để Mỹ có thể dễ dàng kết nối các đồng minh và các quốc gia chủ chốt trong khu vực Thái Bình Dương mà không có sự tham gia của Trung Quốc. Hơn nữa, khi Trung Quốc thúc đẩy Hiệp định Đối tác Kinh tế Toàn diện Khu vực (Regional Comprehensive Economic Partnership – RCEP) thì Mỹ lại càng có lí do quyết tâm đưa TPP đi đến kí kết. RCEP và TPP đã phản ánh được tình hình “cạnh tranh” về quyền lực giữa hai quốc gia.

Mặc dù đã đi đến thống nhất và kí kết chính thức Hiệp định, nhưng TPP chưa kịp được Quốc hội thông qua đã bị tân Tổng thống Donald Trump kí sắc lệnh rút Mỹ khỏi Hiệp định này. Như vậy, vai trò của TPP trong chính sách châu Á – Thái Bình Dương của Tổng thống Trump đã khép lại, và ông cũng khép lại những nỗ lực của cựu Tổng thống Obama cho một TPP và một chiến lược “xoay trục” của mình. Tuy TPP không còn hiện hữu trong môi trường tâm của Tổng thống Trump, chúng ta vẫn có cơ sở khẳng định rằng lợi ích cơ bản của Mỹ ở châu Á – Thái Bình Dương vẫn sẽ không thay đổi và Mỹ nhất quyết sẽ “bảo vệ” đến cùng vị trí “lãnh đạo” của mình trong cục diện thế giới hiện nay, bất chấp “Sáng kiến Vành đai – Con đường”, bất chấp “Trung Hoa mộng” và bất chấp sự trỗi dậy của Trung Quốc. Điều này đã được chứng minh qua cuộc Chiến tranh thương mại do Tổng thống Trump phát động vào năm 2018.

❖ **Tuyên bố về quyền lợi:** Tác giả xác nhận hoàn toàn không có xung đột về quyền lợi.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Abe, S. (2016) Opening Remarks by Prime Minister Shinzo Abe at the Dialogue with the New York based Business and Financial Community of Japan. Retrieved from http://japan.kantei.go.jp/97_abe/statement/201609/1219240_11015.html
- Bureau of Labor Statistics (2008). Unemployment in December 2008. Retrieved from https://www.bls.gov/opub/ted/2009/jan/wk2/art02.htm?view_full
- Carter, A. (2016). The Future of the U.S. Rebalance to Asia. Retrieved from <https://www.cfr.org/event/future-us-rebalance-asia>
- Clinton, H. (2011). America’s Pacific Century: The Future of Geopolitics Will Be Decided in Asia, not Afghanistan or Iraq, and the United States Should Be Right at The Center of the Action. Retrieved from <http://campus.unibo.it/246464/1/Hillary%20Clinton.pdf>
- Cook, M. (2017). The TPP: Truths about Power Politics. Retrieved from <https://www.iseas.edu.sg/images/pdf/ISEASEWP2017-06Cook.pdf>

- Duong, M. T. (2014). Hiep dinh xuyen Thai Binh Duong: quan diem va doi sach cua Trung Quoc [The Trans-Pacific Partnership Agreement: Point of view and Reaction of China]. *Northeast Asia Research Journal*, No.4(158), 26-33.
- Elms, D. (2012). The Trans-Pacific Partnership Agreement (TPP) Negotiations: Overview and Prospects. Retrieved from <https://www.files.ethz.ch/isn/138889/WP232.pdf>
- Hoang, V. C. (2014). *Hiep dinh doi tac xuyen Thai Binh Duong va van de tham gia cua Viet Nam [The Trans-Pacific Partnership Agreement – TPP and the participation of Vietnam]*. Hanoi: Encyclopedia Publisher.
- J. P. (2017). What is China's belt and road initiative?. Retrieved from <https://www.economist.com/the-economist-explains/2017/05/14/what-is-chinas-belt-and-road-initiative>
- Kerry, J. (2016). Remarks on the Trans-Pacific Partnership. Retrieved from <https://2009-2017.state.gov/secretary/remarks/2016/09/262551.htm>
- Nguyen, A. T. (2015). *Hiep dinh doi tac xuyen Thai Binh Duong (TPP) va tac dong toi Viet Nam [The Trans-Pacific Partnership Agreement (TPP) and its impact on Vietnam]*. Hanoi: National Politics Publisher.
- Nguyen, C. C. (2018). 4 diem khac biet lon giua CPTPP va TPP [Four main differences between CPTPP and TPP]. Retrieved from <http://cafef.vn/4-diem-khac-biet-lon-giua-cptpp-va-tpp-20180305110257022.chn>
- Nguyen, D. K. (2017). Bien Dong va chinh sach cua Trung Quoc duoi goc nhin quan he quoc te [South China Sea (Vietnam's East Sea) and Policy of China from the view of several international relations theories]. *Ho Chi Minh City University of Education Journal of Science*. No.8, 168-176.
- Obama, B. (2016). The TPP would let America, not China, lead the way on global trade. Retrieved from https://www.washingtonpost.com/opinions/president-obama-the-tpp-would-let-america-not-china-lead-the-way-on-global-trade/2016/05/02/680540e4-0fd0-11e6-93ae-50921721165d_story.html?noredirect=on&utm_term=.c02ac52042b0
- Office of the United States Trade Representative (2016). Trans-Pacific Partnership Full Text. Retrieved from <https://ustr.gov/trade-agreements/free-trade-agreements/trans-pacific-partnership/tpp-full-text>
- Schwab, S. (2008). Schwab Statement on launch of the U.S. Negotiations to join the Trans-Pacific Strategic Economic Partnership Agreement. Retrieved from <https://ustr.gov/schwab-statement-launch-us-negotiations-join-trans-pacific-strategic-economic-partnership-agreement>
- Tapper, J. (2015). 45 times Secretary Clinton pushed the trade bill she now opposes. Retrieved from <https://edition.cnn.com/2015/06/15/politics/45-times-secretary-clinton-pushed-the-trade-bill-she-now-opposes/>
- WTO Center (2010). Tong quan ve vong dam phan Do-ha [An overview of Doha]. Retrieved from <http://trungtamwto.vn/chuyen-de/1347-tong-quan-ve-vong-dam-phan-doha>

**THE SIGNIFICANT ROLES OF THE TRANS-PACIFIC PARTNERSHIP AGREEMENT (TPP)
IN THE FOREIGN POLICY OF PRESIDENT BARACK OBAMA**

Nguyen Dang Khoa

Ho Chi Minh City University of Education, Vietnam

Corresponding Author: Nguyen Dang Khoa – Email: khoand@hcmue.edu.vn

Received: March 28, 2020; Revised: June 18, 2020; Accepted: July 22, 2020

ABSTRACT

Active participation in the Trans-Pacific Partnership Agreement (TPP) is a milestone proving the utmost importance of this Agreement regarding the national interests of the United States in the context of the harsh impacts from the 2008 financial crisis as well as the severe competition with a rising China in Asia-Pacific region. Based on the methodology of history - logic and international relations analysis, this paper will clarify the roles of TPP in the foreign policy of President Barack Obama on the aspects of trade – economics, politics – security, and the theory of power transition in international relations in order to affirm that TPP is one of the key tools of President Obama to deploy the "Pivot Policy" whose target is to increase the influence of the United States in the region. This paper contributes to research on the United States' foreign policy and the international relations in Asia – Pacific under the presidency of Barack Obama.

Keywords: The Trans-Pacific partnership agreement; TPP; foreign policy of the United States; Barack Obama